BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

HUYỆN ĐỨC CƠ - TỈNH GIA LAI

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ

HUYỆN IA GRAI

HUYỆN IA GRAI

CAM PU CHIA

HUYỆN CHƯ PRÔNG

HUYỆN CHƯ PRÔNG

XÃ IA DOM

XÃ IA KEA

XÃ IA DOK

XÃ IA DIN

XÃ IA KRÊL

XÃ IA LANG

XÃ IA KRIÊNG

XÃ IA NAN

XÃ IA PRÔN

B

BẢNG CHÚ DẪN

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH CẤP HUYỆN PHÂN BỔ	KÝ HIỆU QUY HOẠCH CẤP TỈNH XÁC ĐỊNH BỔ SUNG
A. KÝ HIỆU LOẠI ĐẤT			
Đất trồng lúa	LUA	HLUT (LUA)	HLUT (LUA)
Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	HLUT (LUC)	HLUT (LUC)
Đất rương cây trồng cây hàng năm khác	HNK		HLUT (HNK)
Đất trồng cây lâu năm	CLN	HLUT (CLN)	HLUT (CLN)
Đất rừng phòng hộ	RPH	HLUT (RPH)	HLUT (RPH)
Đất rừng đặc dụng	RDD	HLUT (RDD)	HLUT (RDD)
Đất rừng sản xuất	RSX	HLUT (RSX)	HLUT (RSX)
Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	HLUT (RSN)	HLUT (RSN)
Đất nuôi trồng thủy sản	NTS		HLUT (NTS)
Đất làm muối	LMU		HLUT (LMU)
Đất nông nghiệp khác	NKH		HLUT (NKH)
Đất quốc phòng	CQP	TSC	
Đất an ninh	CAN	TSC	
Đất khu công nghiệp	SKK	HLUT (SKK)	
Đất cụm công nghiệp	SKN	HLUT (SKN)	
Đất thương mại, dịch vụ	TMD	HLUT (TMD)	HLUT (TMD)
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	HLUT (SKC)	HLUT (SKC)
Đất SX-KD khu hoạt động khoáng sản	SKS	HLUT (SKS)	HLUT (SKS)
Đất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX		HLUT (SKX)
Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	HLUT (DHT)	HLUT (DHT)
Đất Giao thông	DGT	HLUT (DGT)	HLUT (DGT)
Đất thủy lợi	DTL	HLUT (DTL)	HLUT (DTL)
Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	HLUT (DVH)	HLUT (DVH)
Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	HLUT (DYT)	HLUT (DYT)
Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	HLUT (DGD)	HLUT (DGD)
Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	HLUT (DTT)	HLUT (DTT)
Đất công trình năng lượng	DNL	TSC	HLUT (DNL)
Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	HLUT (DBV)	HLUT (DBV)
Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	HLUT (DKG)	HLUT (DKG)
Đất cơ sở tôn giáo	TON	HLUT (TON)	
Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	HLUT (DDT)	

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH CẤP HUYỆN PHÂN BỔ	KÝ HIỆU QUY HOẠCH CẤP TỈNH XÁC ĐỊNH BỔ SUNG
Đất NT, NĐ, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	HLUT (NTD)	HLUT (NTD)
Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	HLUT (DRA)	HLUT (DRA)
Đất KD cơ sở khoa học và công nghệ	DKH		HLUT (DKH)
Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		HLUT (DXH)
Đất danh lam thắng cảnh	DDL	HLUT (DDL)	HLUT (DDL)
Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		HLUT (DSH)
Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		HLUT (DKV)
Đất ở tại nông thôn	ONT	HLUT (ONT)	HLUT (ONT)
Đất ở tại đô thị	ODT	HLUT (ODT)	HLUT (ODT)
Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	TSC	HLUT (TSC)	HLUT (TSC)
Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	HLUT (DNG)	HLUT (DNG)
Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN		HLUT (TIN)
Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON		HLUT (SON)
Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC		HLUT (MNC)
Đất phi nông nghiệp khác	PNK		HLUT (PNK)
Đất chưa sử dụng	CSD	HLUT (CSD)	
Ranh giới đất khu công nghệ cao			
Ranh giới đất khu kinh tế			
Ranh giới đất đô thị			
Ranh giới khu sản xuất nông nghiệp			
Ranh giới khu lâm nghiệp			
Ranh giới khu du lịch			
Ranh giới khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học			
Ranh giới khu phát triển công nghiệp			
Ranh giới khu đô thị			
Ranh giới khu thương mại - dịch vụ			
Ranh giới khu đô thị khu thương mại - dịch vụ			
Ranh giới khu dân cư nông thôn			
Ranh giới khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn			

TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH
B. KÝ HIỆU CƠ SỞ ĐỊA LÝ		
Ranh giới tỉnh xác định		
Ranh giới huyện xác định		
Ranh giới xã xác định		
Đường quốc lộ		
Đường tỉnh lộ		
Đường huyện lộ		
Đường liên xã		
Đường đất nhỏ		
Cầu bê tông		
Cầu treo		
Cầu sắt		
Cống		
Sông, suối, ao, hồ		
UBND tỉnh, huyện, xã		
Đình, chùa, đền, miếu		
Nhà thờ		
Trạm biến thế, đài phát thanh		
Sân vận động, sân bay		
Bưu điện, trạm y tế, trường học		
Chợ		
Đường bình độ, độ cao		

CHÚ DẪN

CƠ CẤU DIỆN TÍCH ĐẤT ĐAI NĂM 2030

(Tổng diện tích tự nhiên: 72.186,01 ha)

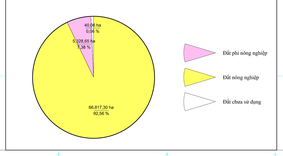

UBND TỈNH GIA LAI	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH GIA LAI	UBND HUYỆN ĐỨC CƠ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
Gia Lai, ngày 09 tháng 5 năm 2021	*Gia Lai, ngày ..... tháng ..... năm 20.....*	*Đức Cơ, ngày 06 tháng 10 năm 2021*	*Đức Cơ, ngày 04 tháng 10 năm 2021*
KT. CHỦ TỊCH **PHÓ CHỦ TỊCH** *(Đã ký)*	**GIÁM ĐỐC** *(Đã ký)*	**KT. CHỦ TỊCH** **PHÓ CHỦ TỊCH** *(Đã ký)*	**GIÁM ĐỐC** *(Đã ký)*
Đỗ Tiến Đông	**Phạm Duy Du**	**Trần Ngọc Phận**	**Nguyễn Trí Sơn**

NGUỒN TÀI LIỆU

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 huyện Đức Cơ
- Bản đồ kết quả điều tra khảo sát năm 2020

TỶ LỆ 1 : 25000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG

Liên danh Công ty TNHH MTV Phát Thành Lộc Gia Lai và Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng và Đo đạc bản đồ